TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30-8-2019
V/v:"Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Thế Dũng;

Bà Trần Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên toà: Ông Võ Văn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 371/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019 về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lâm Thị Thúy H, sinh năm 1995; Địa Chỉ: Ấp P, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn M, sinh năm 1990; Địa chỉ: Ấp 6, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 5 năm 2019 và qua các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn - chị Lâm Thị Thúy H trình bày:

Chị và anh Lê Văn M là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bàu Đồn, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 062/2017, ngày 16-5-2017. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến cuối năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, anh M không chăm lo cho gia đình, uống rượu về gây chuyện

với vợ con, đánh chị nhiều lần, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không ai quan tâm đến ai. Vợ chồng ly thân từ tháng 4-2019, trong khoảng thời gian ly thân vợ chồng không gặp nhau để bàn việc đoàn tụ, không ai có thiện chí Hn gắn tình cảm. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê M Vy, sinh ngày 07/01/2013 và cháu Lê H Vy, sinh ngày 09/11/2015. 02 cháu đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vào ngày 08-8-2019, chị H có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Các văn bản tố tụng đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng anh M không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không gửi ý kiến bằng văn bản phản đối yêu cầu ly hôn và nuôi con của chị H. Vào ngày 31-7-2019, anh M có đơn xin giải quyết vắng mặt và bản tự khai. Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về hôn nhân, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc chị yêu cầu ly hôn, anh thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đối với quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử tiến Hnh xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị H và anh M là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bàu Đồn, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số , được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 062/2017, ngày 16-5-2017. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Lời khai của nguyên đơn phù hợp với lời khai của bị đơn và của người làm chứng thể hiện: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh M không chăm lo cho gia đình, uống rượu về gây chuyện với vợ con, đánh vợ nhiều lần. Vợ chồng ly thân từ tháng 5-2019, trong khoảng thời gian ly thân vợ chồng không gặp nhau để bàn việc đoàn tụ, không ai có thiện chí Hn gắn tình cảm. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải

quyết được ly hôn đối với anh M là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê M Vy, sinh ngày 07/01/2013 và cháu Lê H Vy, sinh ngày 09/11/2015, đang sống với chị H. Chị yêu cầu được nuôi 02 con, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con, phù hợp với nguyện vọng của anh M. Hội đồng xét xử giao 02 cháu cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Lê Văn M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết .

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Chị Lâm Thị Thúy H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56 và 81 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lâm Thị Thúy H đối với anh Lê Văn M. Chị H được ly hôn với anh M.

2. Về con chung: Chị Lâm Thị Thúy H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê M Vy, sinh ngày 07/01/2013 và cháu Lê H Vy, sinh ngày 09/11/2015. Anh Lê Văn M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận chị Lâm Thị Thúy H không yêu cầu anh Lê Văn M cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích hợp pháp của con chưa tHnh niên, sau này khi đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể xem xét việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con nếu cần thiết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lâm Thị Thúy H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp

300.000 đồng theo biên lai thu số 0009194 ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Chị H đã nộp xong án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi Hnh án dân sự, thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hnh án dân sự

6. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CCTHADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã Bàu Đồn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thùy Trang